TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2020/DS-PT
Ngày: 04 – 06 – 2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Sang;

Ông Trần Quốc Vũ.

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2020/TLPT- DS, ngày 23 tháng 04 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng dân sự "vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2020/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 153/2020/QĐ PT–DS ngày 04 tháng 05 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Khu phố N L, phường N T, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Lê Thị Kiều Diễm, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Ấp Ninh An, xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 21-10-2019); có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Anh Nguyễn Phước Th, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Khu phố N P, phường N T, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2.2. Chị Lý Thị Mỹ L, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Khu phố N Đ, phường N T, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07-10-2019 của chị Nguyễn Thị Kim D (nguyên đơn) và tại tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị Kiều Diễm trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nhau giữa chị D và vợ chồng anh Nguyễn Phước Th, chị Lý Thị Mỹ L, ngày 19-3-2019 chị D có cho anh Th vay số tiền 520.000.000 đồng, anh Th có ký giấy mượn tiền và thỏa thuận 10 ngày đáo hạn Ngân hàng sẽ trả. Đến ngày 20-5-2019, chị D cho anh Th và chị L vay tiếp số tiền 60.000.000 đồng, có ký giấy mượn tiền, lãi suất hai bên thỏa thuận là 05%/ tháng nhưng không có ghi trong giấy nợ. Tổng cộng tiền nợ là 580.000.000 đồng. Đến nay, anh Th và chị L chưa trả nợ gốc cũng như tiền lãi.

Nay chị D yêu cầu anh Th, chị L trả số tiền 580.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật 0,83% /tháng từ ngày vay của từng khoản vay cho đến khi vụ án giải quyết xong.

Lời khai của anh Nguyễn Phước Th (bị đơn) tại Tòa án và tại phiên tòa, anh Th trình bày:

Anh thừa nhận có quen biết với chị D qua việc vay mượn tiền được hơn một năm nay. Anh xác định giấy mượn tiền 60.000.000 đồng ngày 20-5-2019 do anh viết, anh và chị L có ký vay chị D, ban đầu vay có 35.000.000 đồng, sau đó vay thêm 25.000.000 đồng nên cộng lại là 60.000.000 đồng, lãi suất chị D tính mỗi ngày 5.000 đồng/1.000.000 đồng (tương đương 15%/tháng), mục đích vay để đáo hạn trả nợ Ngân hàng. Số tiền 60.000.000 đồng này vợ anh (chị L) hốt hụi của chị K nhà ở N P, B N, Dương Minh Châu được 60.500.000 đồng trả cho chị D xong trong năm 2019. Riêng giấy mượn tiền ngày 19-3-2019, anh chỉ vay của chị D số tiền 11.500.000 đồng và chỉ có một mình anh ký tên, chị L không có ký, mục đích vay để làm vốn mua bán xe. Anh thừa nhận tất cả các chữ viết trên giấy mượn tiền là do anh ghi, còn "*chữ số 520.000.000 đồng và chữ viết năm trăm hai chục triệu*" là do chị D ghi, khi nhận tiền ngay dòng số tiền mượn chị D bỏ trống chị ghi sau, anh chỉ ký ghi họ tên bên dưới người mượn tiền và số tiền vay 11.500.000 đồng anh cũng đã trả chị D rồi, không nhớ trả thời gian nào và do tin tưởng nhau nên khi trả không làm giấy tờ gì. Hiện tại, tiền vay vợ chồng anh đã trả xong không còn nợ nên không đồng ý theo yêu cầu của chị D.

Lời khai của chị Lý Thị Mỹ L (bị đơn) tại Tòa án và tại phiên tòa, chị L trình bày:

Chị là vợ anh Th, thừa nhận vợ chồng chị có vay của chị D tổng cộng là 60.000.000 đồng, chị và anh Th có ký giấy mượn tiền ngày 20-5-2019 giao cho chị D. Tuy nhiên, chị đã trả cho chị D xong vào ngày 19-5-2019 (âm lịch), nguồn tiền trả cho chị D là do chị hốt hụi của chị K làm chủ được 60.500.000 đồng, việc trả tiền cho chị D không có làm giấy tờ, nay chị không chấp nhận yêu cầu của chị D.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2020/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã xử:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim D;

- Buộc anh Nguyễn Phước Th và chị Lý Thị Mỹ L trả cho chị Nguyễn Thị Kim D số tiền nợ gốc 580.000.000 đồng và tiền lãi 40.598.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 620.598.000 (sáu trăm hai mươi triệu năm trăm chín mươi tám nghìn) đồng.

- Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 19 tháng 3 năm 2020, chị L có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; thừa nhận giấy nợ ngày 20-5-2019 vợ chồng vay của chị D số tiền 60.000.000 đồng và đã trả xong, còn giấy nợ ngày 19-3-2019 chị không thừa nhận nợ chung của vợ chồng vì chị không có ký tên vay.

- Ngày 14 tháng 3 năm 2020, anh Th có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Th chị L cùng trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị L, anh Th; giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện Kiểm sát, xét kháng cáo của anh Nguyễn Phước Th và chị Lý Thị Mỹ L, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Phước Th và chị Lý Thị Mỹ L kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố

tụng dân sự. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chỉ đề nghị thu tạm ứng án phí 300.000 đồng là không đúng (vì vụ án có hai người kháng cáo) cần rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung: Chị D yêu cầu anh Th, chị L phải trả cho chị số tiền vay 580.000.000 đồng. Chị L, anh Th thừa nhận có vay nợ chung số tiền 60.000.000 đồng của chị D vào ngày 20-5-2019 và đã trả xong. Anh Th thừa nhận có nợ riêng của chị D số tiền 11.500.000 đồng vào ngày 19-3-2019 và đã trả xong. Chị L, anh Th không thừa nhận nợ chị D số tiền 520.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự thấy rằng:

[3.1]. Đối với số nợ chung 60.000.000 đồng anh Th, chị L vay của chị D vào ngày 20-5-2019, chị L trình bày đã hốt hụi chị K trả cho chị D xong, nhưng chị D không thừa nhận, chị K trình bày không thấy hai bên giao nhận tiền, chị L không có chứng cứ khác chứng minh đã nợ xong cho chị D nên anh Th, chị L phải có nghĩa vụ trả số tiền 60.000.000 đồng cho chị D là có căn cứ.

[3.2]. Đối với số nợ 520.000.000 đồng thể hiện tại "giấy mượn tiền" ngày 19-3-2019, anh Th cho rằng anh thực sự vay chị D số tiền 11.500.000 đồng, anh xác định tất cả các chữ viết, chữ ký trên "giấy mượn tiền" là do anh viết và ký họ tên bên dưới chữ người mượn tiền. Riêng dòng số tiền mượn anh bỏ trống và chị D ghi sau là không có cơ sở, trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, anh Th không đề xuất được chứng cứ chứng minh số tiền cụ thể anh đã vay của chị D, quá trình giải quyết anh thừa nhận đã ký tên dưới tờ giấy mượn tiền thì anh phải chịu trách nhiệm đối với nội dung anh đã ký. Ngoài ra, anh Th cũng không có chứng cứ trả nợ cho chị D. Do đó, cấp sơ thẩm xác định anh Th có vay chị D số tiền 520.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Xét nghĩa vụ trả nợ thấy rằng:

Chị L trình bày số tiền 520.000.000 đồng theo "giấy mượn tiền" ngày 19-3-2019 chị không biết, chị không có ký giấy nợ. Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm chị D không chứng minh được số nợ 520.000.000 đồng nêu trên là nợ chung của vợ chồng chị L, anh Th. Xét thấy: Đây là số tiền lớn, khi vay phải có sự đồng ý của vợ chồng, nếu một bên xác lập thì phải có chứng cứ chứng minh số nợ trên nhằm phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình theo quy định tại Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị D cho rằng, mục đích anh Th vay là để *"đáo hạn nợ ngân hàng"* nhưng chị D không đề xuất được chứng cứ chứng minh anh Th, chị L dùng số tiền vay 520.000.000 đồng của chị trả cho Ngân hàng nào. Cấp sơ thẩm buộc chị L, anh Th phải có nghĩa vụ chung trả cho chị D số tiền 520.000.000 đồng theo "giấy mượn tiền" ngày 19-3-2019 là không có căn cứ. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị L, xác định số nợ 520.000.000 đồng là nợ riêng của anh Th và buộc một mình anh Th phải trả cho chị D là có cơ sở.

[5] Về số tiền trả lãi: Chị D cho rằng chị L, anh Th từ khi vay đến khi khởi kiện chưa có trả lãi cho chị. Anh Th, chị L khai đã trả lãi đầy đủ nhưng

không có giấy tờ chứng minh. Cấp sơ thẩm xác định anh Th, chị L đã trả đến ngày 20-5-2020, chị D không kháng cáo, nên xác định thời gian phải trả lãi tiếp theo từ ngày 20- 6- 2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04-03-2020) là 09 tháng 13 ngày là có căn cứ. Cấp sơ thẩm tính là 08 tháng 13 ngày là chưa chính xác.

- Về lãi suất: Chị D trình bày tất cả các khoản vay tính 05%/tháng, chị L, anh Th trình bày tiền lãi chị D tính 15%/tháng. Do các bên trình bày không thống nhất với nhau về mức lãi suất nên thuộc trường hợp có tranh chấp về lãi suất. Do đó, lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm (tương đương với 0,83%/tháng). Cụ thể mức lãi được chiết tính như sau:

- Đối với số tiền 60.000.000 đồng x 0,83% x 09 tháng 13 ngày = 4.697.800 đồng, cộng gốc lãi thành tiền là 64.697.800 đồng số tiền này anh Th, chị L phải có nghĩa vụ trả cho chị D.

- Đối với số tiền 520.000.000 đồng x 0,83% x 09 tháng 13 ngày = 40.714.200 đồng, cộng gốc lãi thành tiền là 560.714.200 đồng số tiền này anh Th phải có nghĩa vụ trả cho chị D.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của chị L, không chấp nhận kháng cáo của anh Th; sửa án sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Th và chị L phải chịu chung số tiền 3.234.890 đồng án phí dân sự sơ thẩm; anh Th phải chịu số tiền 26.428.569 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Th phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14. Chị L không phải chịu án phí phúc thẩm.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh giữ nguyên bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Lý Thị Mỹ L.

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Phước Th.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2020/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016,

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng dân sự "vay tài sản" của chị Nguyễn Thị Kim D.

1.1. Buộc anh Nguyễn Phước Th và chị Lý Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Kim D số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi 4.697.800 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 64.697.800 đồng, viết tròn số là 64.697.000 (sáu mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn) đồng.

1.2. Buộc anh Nguyễn Phước Th phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Kim D số tiền nợ gốc 520.000.000 đồng và tiền lãi 40.714.200 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 560.714.200 đồng, viết tròn số là 560.714.000 (năm trăm sáu mươi triệu bảy trăm mười bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Anh Nguyễn Phước Th và chị Lý Thị Mỹ L phải chịu chung số tiền 3.234.890 đồng; viết tròn số là 3.234.000 (ba triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Anh Nguyễn Phước Th phải chịu số tiền 26.428.569 đồng; viết tròn số là 26.428.000 (hai mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.3. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Kim D số tiền 13.600.000 (mười ba triệu sáu trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0001881 ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

2.4. Án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Phước Th phải chịu số tiền 300.000 đồng; khấu trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: 0002399 ngày 27 – 3 –2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận anh Th đã nộp xong.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP.Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- CCTHADS TP.Tây Ninh;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Tâm